

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ EYIM

Đại công ty Hợp tác xã - hình

Ngày 01 tháng 06 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo lợi nhuận toàn tài chính	3 - 4
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	5 - 6
Tuyên bố và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	7 - 23

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (Công ty) là công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 08027/2020/Đ-ĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp (đã thay đổi vị trí trụ sở công ty ngày 03 tháng 07 năm 2021), Giấy phép tham gia và hoạt động ban đầu số 0103P/QLD ngày 06 tháng 04 năm 2020 do Bộ Tài chính cấp. Công ty trước đây là Công ty TNHH Kinh doanh và Dịch vụ BVIM Việt Nam. Đã từng là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam. Các bên liên doanh ban đầu của Công ty gồm có Ngân hàng VCB Đầu tư và Phát triển Việt Nam (được thành lập tại Việt Nam) và Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Việt Nam Fatmax (100% thuộc quyền kiểm soát của Ngân hàng VCB) (công ty mẹ) và Công ty TNHH Đầu tư Việt Nam Fatmax (100% thuộc quyền kiểm soát của Ngân hàng VCB) (công ty mẹ) và Công ty TNHH Đầu tư Việt Nam Fatmax (100% thuộc quyền kiểm soát của Ngân hàng VCB) (công ty mẹ) và Công ty TNHH Đầu tư Việt Nam Fatmax (100% thuộc quyền kiểm soát của Ngân hàng VCB) (công ty mẹ).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
- Quản lý danh mục đầu tư công g khác
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Tên tiếng Anh: BVIM FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Ngày hoạt động tháng 06 năm 2020. Công ty có bộ phận quản lý quỹ là Quỹ đầu tư bằng chứng khoán BVIM (BVIMEIF).

Công ty có trụ sở chính tại tầng 18, Tòa nhà VCC, số 9 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị công ty và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Quang Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Tài Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc công ty và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tài Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022
-------------------	---------------	-----------------------------------

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát công ty và vào ngày lập báo cáo là như sau:

Ông Tuấn Tuấn Bình	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2022
Ông Tuấn Tuấn Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 1 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tài Hà, chức vụ là Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (Công ty) đã lấy báo cáo tài chính và báo cáo độ tin cậy an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 03 năm 2023.

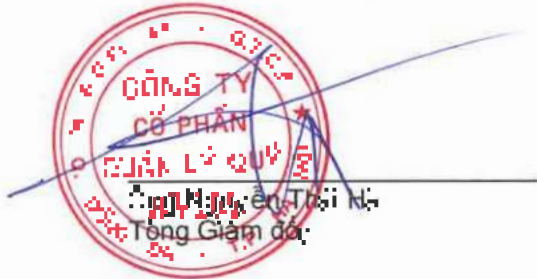
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty sau khi đã nắm thu thông tin yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về an toàn tài chính và biện pháp xử lý rủi ro về tài chính và kế hoạch phòng ngừa không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (Thông tư 91) trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 03 năm 2023.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo độ tin cậy an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư số 91 và Điều lệ thành số 2/2020 của Ban quản lý An toàn tài chính.

Trưởng Ban Giám đốc:



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 04 năm 2023

Số tài khoản: 19030000000000000000

Phân tích tài chính và thuế số thuế 2022-2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư BVIM

Chúng tôi đã thực hiện kiểm soát độc lập về an toàn tài chính tham khảo của Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư BVIM (Công ty) liên quan tới Báo cáo tài chính năm 2022 đã có hiệu lực ngày 24 tháng 08 năm 2023 và được tính từ ngày 01 đến ngày 21. Báo cáo này dựa trên Báo cáo tài chính được Công ty lập theo các quy định của Công ty số 81/2020/TT-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán và chế độ kế toán chi phí của các doanh nghiệp chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính. Kế hoạch kiểm toán độc lập là Thông tư 91/2019/TT-BTC và Thông tư số 2/2019/TT-BTC liên quan tới tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính và các số liệu liên quan và chịu trách nhiệm về các quy định của Thông tư 91 và Thông tư số 2/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính liên quan tới tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Giám đốc cũng có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm toán độc lập của Công ty để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu đã giải thích trong phần tiếp theo.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán độc lập dựa trên kết luận và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả kiểm toán độc lập của chúng tôi. Chúng tôi chỉ trình bày báo cáo này theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ kiểm toán số 24/2019-Số và các thủ tục pháp lý liên quan đến kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc của chúng tôi dựa trên các quy định của pháp luật về kế toán và các quy định pháp lý khác. Mục đích của chúng tôi là để trình bày báo cáo tài chính và các thông tin khác liên quan đến các số liệu liên quan và trình bày báo cáo tài chính an toàn tài chính. Chúng tôi không thể đảm bảo rằng chúng tôi sẽ phát hiện ra mọi sai sót trọng yếu có thể xảy ra trong báo cáo tài chính nếu không được trình bày đầy đủ trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khác ngoài những thông tin đã trình bày báo cáo tài chính an toàn tài chính số ngày 20 tháng 08 năm 2023 kèm theo không được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thông tư số 2/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính liên quan tới tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách (áp dụng cho và giới hạn về mục đích sử dụng)

Khi ông/phó nhân viên Loan của Ngân hàng Tỷ suất, ở nguyên cục đến thuyết minh số 2.1 và thuyết minh số 2.2 thì là các văn bản pháp quy áp dụng và các chỉ thị của Ngân hàng Tỷ suất theo đúng quy định. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, các cáo là không an toàn về tính chính xác của số liệu của ông/phó nhân viên Loan và cũng không được trình bày về quy định tỷ lệ an toàn là chính của Công ty Cổ phần, nên ông/phó nhân viên Loan không thể sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Vũ Ngọc Phương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CHNK-N kèm bản: 2030-2023-004-1

Hà Nội Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản

_____còn_____

Văn bản số 15/SL-QLĐT/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____xã_____

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢO CÁO

Tội phạm xâm phạm tính bí mật của tài khoản số 30 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cảm ơn rằng

- (1) Báo cáo được xây dựng báo cáo sơ bộ liên quan đến nội dung ngày 13/08/2023 theo quy định tại Thông tin 01/2023/TT-BCSC ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định chi tiết an toàn tài chính và an ninh hệ thống số của thị trường chứng khoán trong các cấp độ của thị trường an ninh tài chính.
- (2) Đã và chúng tôi đã đã trình bày liên quan tới tài khoản của Công ty phát sinh sau ngày 13/08/2023, chúng tôi sẽ có thể cung cấp thêm.
- (3) Công ty vẫn hoàn tất số dư của tài khoản số 30 tháng 08 năm 2023 và trung trực của số dư tài khoản.

Người báo

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ
Kế toán trưởng

Người kiểm tra

Bà Lê Thị Mỹ Uyên
Trưởng bộ phận kiểm soát
tội phạm

Người đi gửi



Ông Nguyễn Thái Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

ĐÁP ÁN TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị: VND			
STT	CÁC CHỈ TIÊU	Tỉ lệ/nhà	Giá trị nội tại/ vốn khả dụng
1	Tổng giá trị tài sản ròng	-	-
2	Tổng giá trị tài sản sinh lời	5	4.974.696.207
3	Tổng giá trị tài sản mất giá	9	5.001.003.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+3)	-	8.974.696.207
5	Vốn khả dụng	7	46.065.564.102
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6-5/4) (%)	-	492%

Người lập:

Đã Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Bà Lê Thị Mỹ Châu
Trưởng bộ phận kiểm soát
ngập

Người d. ghi:



Ông Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

-ở NQ, Việt Nam

Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TOÀN MIỀN CHÍNH
tính ngày 30 tháng 09 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ LĨNH VỰC NGHIỆP VỤ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (Công ty) là công ty được thành lập theo Giấy phép đăng ký và hợp đồng số 03/2017/JCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có giá trị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 0 tháng 7 năm 2017. Công ty được cấp Giấy phép kinh doanh ban đầu số 03/2017/JCK ngày 0 tháng 7 năm 2017 do Bộ Tài chính cấp. Công ty trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư EIDV - Vietnam Fund sau khi công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam. Các bên liên doanh liên quan của Công ty gồm có Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Banking for Social and Economic Development) và Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Việt Nam Partners (được thành lập tại Bình Dương, Việt Nam) với tỷ lệ góp vốn 50% của mỗi bên. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, các cổ đông của Công ty bao gồm có Tập đoàn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (50%), Công ty Cổ phần Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (50%) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (50%) và Công ty Cổ phần Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (50%) và Công ty Cổ phần Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (50%).

Hình thức sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý và thực hiện các tư vấn chuyên môn;
- Tư vấn đầu tư chung khác.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 18, Tòa Nhà số 1001, số 25/4 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 09 người (tính tháng 12 năm 2022: 11 người).

Ngày 09 tháng 09 năm 2023, Công ty đăng quá tỷ lệ tài trợ của Quỹ đầu tư tăng trưởng BVIM (BVIMSF).

Công ty có bảy (07) nhân viên đã được cấp bằng cấp liên quan đến nghề quản lý quỹ và đang làm việc khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 chi tiết như sau:

Họ tên	Số giấy phép	Mức cấp	Vị trí công tác
Ông Nguyễn Trí Kiên	00119	1/2006/2008	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Thuý Duyên	001100	28/06/2014	Chuyên viên Quản lý
Ông Nguyễn Hồng Quân	001485	10/11/2013	Chuyên viên Quản lý
Ông Trần Hoàng Sơn	001587	28/06/2014	Chuyên viên Quản lý
Bà Lê Thị Mỹ Châu	001140	01/05/2014	Trưởng bộ phận kế toán nội bộ
Ông Phạm Văn Bình	001450	03/06/2013	Người điều hành Quỹ Đầu tư Tổng trưởng BVIM
Bà Nguyễn Tô Thùy Linh	001025	01/01/2010	Người điều hành Quỹ Đầu tư Tổng trưởng BVIM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
lần ngày 30 tháng 06 năm 2023

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Vấn đề lập luận quy áp dụng

Báo cáo tài chính theo tài khoản của Công ty được lập và trình bày chi tiết hợp với quy định tại Thông tư số 240/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp không cấp vốn cho các ngân hàng (Ái chính (Thông tư 217)). Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở và hệ tài khoản của Công ty từ ngày lập báo cáo.

2.2 Mục đích lập luận của tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày được áp dụng nhằm mục đích của Công ty để lập và công bố hàng năm về báo cáo tài chính theo đúng các quy định của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho bất kỳ mục đích khác.

2.3 Đồng tiền báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM LẠI CÁC CHỈ SỐ CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHAI YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 217 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng x 100\%}}{\text{Tổng giá trị tài sản}}$$

Trong đó, tổng giá trị tài sản là tổng các giá trị tài sản tính theo giá trị gốc và giá trị tài sản hợp đồng.

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư số 217, vốn khả dụng là tổng tài sản hữu hạn có thể chuyển đổi thành hiện kim đáng giá ngay (20%) ngày, và như sau:

- Vốn đầu tư ngắn hạn sẽ nêu, không bao gồm vốn có phân ưu đãi hoàn lại (nếu có)
- Hàng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi (nếu có (nếu có))
- Quỹ đầu tư bổ sung của doanh nghiệp
- Quỹ đầu tư phân bổ (nếu có)
- Quỹ dự phòng tài sản của doanh nghiệp
- Các khoản thanh toán chưa thu được liên quan đến hợp đồng ký kết về pháp luật:
- Tài sản cầm cố thế chấp chưa phân phối
- Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản
- Nhiệm vụ tài sản của Công ty ngoài giá trị tăng thêm của tài sản có định được đánh giá bị theo quy định của pháp luật (trong những hợp đồng định giá tăng hoặc giảm giá trị của phần giá trị cầm cố (trong trường hợp định giá giảm)
- Chi phí liên quan giá bất động sản
- Các khoản giảm trừ chi phí khác (3.2.1).
- Các khoản chi giảm (Thông tư số 217), và
- Vốn khác (nếu có).

Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng/giảm; các khoản này sau đây:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Phần 1)
là ngày 30 tháng 05 năm 2023

3. CÁC CHINH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2. Wán khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản phải trả

Về khả dụng của Công ty được giám định bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Cổ phiếu quỹ (nếu có)
- Toàn bộ phải trả liên quan đến các khoản đầu tư theo nguyên tắc giữa giờ thị trường và giá trị giá trị của tài sản không bao gồm các chính sách quản lý theo hình thức tổ chức có liên quan với Công ty và những khoản chi phí liên quan đến chi trả quyền nhưng vẫn là tài sản Công ty là những lĩnh vực liên quan đến tài chính;
- Các khoản phải trả theo giá trị các khoản tài trợ, các khoản phải thu và tạm ứng của đơn vị liên quan và được lập lại dựa trên khoản ứng còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác: kỳ hạn bao gồm các tài sản phải xác định rõ thị trường theo quy định của Thông tin số 91 quy định giảm giá đến hạn và dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Các tài sản dài hạn được vào gồm các tài sản phải xác định rõ thị trường theo quy định của Thông tin số 91, dự phòng giảm giá đầu tư và dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Các khoản nợ ngắn hạn có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến đánh giá của nhà chính đã được kiểm soát, xét xét điều kiện;
- Chứng khoán phải trả và một số tài sản có liên hệ với Công ty bao gồm những hợp đồng đầu tư:
 - Là các hợp đồng ký kết của Công ty
 - Là các hợp đồng của công ty mẹ của Công ty
- Chứng khoán có thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng của tài sản 90 ngày kể từ ngày liên quan lý lẽ an toàn tài chính;
- Các khoản thiết lập hình thức giá trị hợp đồng đang liên quan hợp đồng tài sản có liên quan mặt khả năng thanh toán.

Khi xác định các chỉ số tài sản giảm trị khả vận khả dụng Công ty điều chỉnh giảm các phần giá trị giảm trị như sau:

- Đối với tài sản công đã được báo cáo nghĩa vụ của chính Công ty hoặc cho bên thứ ba khi hình giảm trị được giảm trị giá trị của tài sản công giảm trị theo giá trị thị trường của tài sản để giảm trị số sách, giá trị của tài sản ngắn hạn;
- Đối với tài sản công đã báo cáo là các khoản khác, thì liên quan thì được giảm trị giá trị của tài sản công giảm trị theo giá trị của tài sản báo cáo giảm trị số sách.

Tổng tài sản thì công của bên xác định giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo quy định của Thông tin số 91 Công ty được biết giá trị của tài sản đảm bảo chỉ giảm trị số sách giảm trị khoản chi phí ứng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (áp dụng)
kính gửi: BC tháng 05 năm 2022

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2. Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.2. Các khoản đầu tư

Vốn khả dụng của Công ty là khoản lợi nhuận giữ lại của công ty sau:

- ▶ Tiền lãi và lợi nhuận tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản là sinh lợi nhận theo giá trị thị trường và lợi nhuận chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phân hành bởi giao dịch mua có liên quan với Công ty và các công ty liên kết và phải ghi nhận chi chuyển nhượng với giá trị ngày thanh toán và ghi nhận lợi nhuận.
- ▶ Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm trả phí, chi phí lãi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vào kế hoạch và Ủy ban Công khai Nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông lệ số 91.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn chủ sở hữu là đa dạng 50% đến với chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Công khai Nhà nước, Công ty không thu 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (01) năm cuối cùng trước khi diễn biến thành công chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khoản từ 20% giá trị còn lại (01) năm cuối cùng trước khi diễn biến thành công chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.3. Giá trị ròng tài sản

Giá trị ròng thực tế là giá trị trong bảng cân đối kế toán đã loại trừ các khoản nợ và chi phí trong các tài sản đã có sẵn và ổn định theo thời gian, được xác định và được Công ty xác định khi kết thúc ngày báo cáo theo sáng kiến sau:

$$\text{Giá trị ròng tài sản} = \text{Vốn chủ sở hữu} + \text{Giá trị sẵn có} - \text{Chi phí ròng tài sản}$$

Trong đó, Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm số hàng có tính đến lợi nhuận giữ lại của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giá trị sổ sách của các khoản nợ và tăng thêm số chứng khoán đã được phân hành theo quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị của tài sản ròng bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ
- ▶ Chứng khoán có sẵn nhưng vẫn tồn tại chức vụ liên quan với Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - Là công ty mẹ công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty.
- ▶ Chứng khoán có thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng của tài sản của công ty (ST) ngày kết thúc ngày thanh toán;
- ▶ Trả phần, tiền công nợ, giấy tờ có giá theo quy định pháp luật đã được thanh toán;
- ▶ Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng quyền mua; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được công bố trong các tài khoản công khai có sẵn.

3.3.1. Tỷ số nợ ròng tài sản

Tỷ số nợ ròng tài sản được xác định theo công thức như sau: Tỷ số nợ ròng tài sản = Tổng nợ / Tổng tài sản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 từ ngày 30 tháng 06 năm 2025

3. CÁC CHIẾN LƯỢC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các tỷ lệ cơ sở lý thuyết (tiếp theo)

3.3.2 Các mô hình

T.T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tập tài sản: Không thanh khoản, công cụ thị trường niêm yết		
1	Chỉ số (VN-INDEX)	Số dư là khoản là ngày làm việc
2	Ngạch là	Giá thực tế là VND theo tỷ giá tại thời điểm mua và bán, trừ chi phí sinh doanh ngoại hối tính tại ngày mua/bán.
3	Trái phiếu có kỳ hạn	Giá trị bên gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính ngày làm việc.
4	Tư nhân không bạc, hồ phiếu, ngày tháng, thuế phí, chứng chỉ đầu tư, các tài khoản, trái phiếu và các công cụ thị trường khác có lãi suất	Giá mua cộng với lãi kỳ kế tiếp đến ngày làm việc
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> Giá ghi trên màn hình mua hàng giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ngày giao dịch bất kể ngày là hay sẽ tính giá về thời điểm chốt tài khoản; Trên thị trường không có giao dịch trong ngày thì giá trị của trái phiếu tính đến ngày làm việc, là giá trị mua cộng với lãi kỳ sau: <ul style="list-style-type: none"> Giá mua cộng lãi kỳ kế; + Mệnh giá cộng lãi kỳ kế; + Giá xác định theo phương pháp tính lãi của Công ty, bao gồm cả lãi kỳ kế. Ví dụ: Mua trái phiếu mua cộng lãi kỳ kế Mệnh giá cộng lãi kỳ kế Giá xác định theo phương pháp tính lãi của Công ty, bao gồm cả lãi kỳ kế.
6	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> Giá ghi trên màn hình chốt hàng của giao dịch sau Giá ghi trên màn hình chốt hàng của giao dịch của Công ty dựa trên công lý kỳ kế; Giá mua cộng lãi kỳ kế; + Mệnh giá cộng lãi kỳ kế + Giá theo quy định về sổ của Công ty, bao gồm cả lãi kỳ kế. Ví dụ: Mua trái phiếu mua cộng lãi kỳ kế Mệnh giá cộng lãi kỳ kế Giá xác định theo phương pháp tính lãi, bao gồm cả lãi kỳ kế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ SVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHÍNH CHỦ YẾU (cập theo)
 31/12/2023 và 30 tháng 06 năm 2023

1. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (cập theo)

3.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính (cập theo)

3.1.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

TT	Tài sản tài chính	Nguyên tắc định giá giá trị hợp lý theo thị trường
	Cổ phiếu	
1	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và sở phát của công ty đang chứng khoán ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá công bố của ngày giao dịch gần nhất ngày bình quân. - Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày liên tiếp (21 ngày liên tiếp ngày tính toán là giá trị làm giá trị công bố giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách + Giá mua; + Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
2	Cổ phiếu không niêm yết, mã kỹ thuật số và chứng khoán ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình của giá mua và giá bán hiện tại tại công ty chung hoặc không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm định toán. - Trường hợp không có người mua và người bán tại thời điểm định toán kế tiếp là giá trị của một lượng các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách + Giá của người mua gần nhất. + Giá trị sổ sách + Giá mua; <p>Tức là Max (Giá trị sổ sách, Giá của người mua gần nhất, Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá của người bán gần nhất của là người mua hoặc người bán)</p>
3	Cổ phiếu không niêm yết giao dịch, hoặc này nằm với hoặc ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Là giá trị gần nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách + Giá trị giá + Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. <p>Tức là Max (Giá trị sổ sách, Giá trị giá, Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
10	Cổ phiếu của tổ chức trong lĩnh vực giá trị, phi-sàn	<ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của tổ chức đó và 20% phần dư của giá trị do tổ chức giữ lại. Giá xác định bằng giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH TẠP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1. Giới hạn nợ (thị trường liên tục)

3.1.1. Giới hạn sản liên tục

STT	Loại tài sản	Người xác định giới hạn dựa trên thị trường
Cổ phiếu liên tục		
11	Cổ phần phát hành góp khác	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá mua giá trị vốn góp; + Giá theo quy định nhất định của Công ty. <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua giá trị vốn góp, Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán)</p>
Chương trình Quỹ đầu tư chi trả của Công ty đầu tư chứng khoán		
12	Quỹ Money Market quỹ ETF	<ul style="list-style-type: none"> - Giá định giá tại ngày báo cáo gần nhất ngày 15/1/2023; - Theo quy định có giá trị trong vòng 15 ngày làm việc; hoặc đến ngày định giá là 15/1/2023 nếu trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo gần nhất trước ngày định toán.
13	Quỹ nhân viên Quỹ mở có phần của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành công lập	Nhà báo cáo tin vì nhà đầu tư góp vốn và chứng chỉ quỹ có phần tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày định toán
14	Các tài sản liên tục khác	Theo quy định nội bộ của Công ty.
Tài sản có định		
15	Quyền sử dụng đất	Giá trị được xác định bởi nhà định giá độc lập dựa là mức giá thanh toán chung khoán tại thời điểm báo cáo
16	Nhà máy và thiết bị, các loại máy móc, phương tiện vận tải, các loại dụng cụ, thiết bị, đồ dùng	Giá trị được xác định bởi nhà định giá độc lập dựa là mức giá thanh toán chung khoán tại thời điểm báo cáo được có bản kê danh lý kê
17	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện.	Giá trị của tài sản
18	Các tài sản có định khác	Giá trị được xác định bởi nhà định giá độc lập dựa là mức giá thanh toán chung khoán tại thời điểm báo cáo

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Báo theo)

14 ngày 30 tháng 06 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Báo theo)

3.1 Giá trị sổ sách (đơn vị: đồng Việt Nam)

3.1.2 Giá trị sổ sách (đơn vị: đồng)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá và giá trị sổ sách (đơn vị: đồng)
Chương khoản khác		
10	Chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn khác	<ul style="list-style-type: none"> Giá mua của ngày giao dịch gần nhất ngày liên tiếp Giá mua của chứng quyền có bảo đảm chưa đáo hạn
20	Bổ sung, khác biệt của tài khoản và các quỹ khác	<ul style="list-style-type: none"> Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá quy đổi của đồng bằng đồng nội tệ ngày tính toán Giá công của tài ngày giao dịch gần nhất, ngày liên tiếp Trường hợp không có giao dịch thực hiện tại (CĐ) liên tiếp 30 ngày tính toán, lấy giá ở 10 ngày trước đó gần nhất Giá trị số sổ sách Giá mua Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức quản lý chứng khoán. <p>100%</p> <p>Mọi giá trị số sổ sách: Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ.</p>

Giá trị:

- Lợi dự báo: khoản chênh lệch từ lãi hoặc lỗ kỳ trước và chi phí chi giảm trị giá.
- Chi phí bổ sung (hoặc giảm) của một tài khoản dựa trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được báo cáo theo báo cáo tài chính.
- Tài khoản khác biệt trong khoản được báo cáo về thông báo giá trị khác (Báo cáo Báo cáo NHBI hoặc các tài khoản tương tự để tham khảo).

3.1.3 Giá trị của các tài sản đang nắm giữ

Giá trị của tài sản đang nắm giữ là số tiền được điều chỉnh bằng các chi phí liên quan đến việc nắm giữ tài sản này và các chi phí liên quan đến việc nắm giữ tài sản này. Giá trị của tài sản đang nắm giữ là số tiền được điều chỉnh bằng các chi phí liên quan đến việc nắm giữ tài sản này.

- Tăng thêm 10% trong tổng hợp giá trị của các tài sản đang nắm giữ từ 10% - 5% (Giá trị số sổ sách của Công ty).
- Tăng thêm 10% trong tổng hợp giá trị của các tài sản đang nắm giữ từ 10% - 5% (Giá trị số sổ sách của Công ty).
- Tăng thêm 20% trong tổng hợp giá trị của các tài sản đang nắm giữ từ 10% - 5% (Giá trị số sổ sách của Công ty).

Các khoản số này có thể khác với các tài khoản khác biệt về chi phí liên quan đến việc nắm giữ tài sản này hoặc chi phí liên quan đến việc nắm giữ tài sản này. Các khoản số này có thể khác với các tài khoản khác biệt về chi phí liên quan đến việc nắm giữ tài sản này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TOÀN TẬP CÚNG (tiếp theo)
 kỳ báo cáo hàng quý năm 2022

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TOÀN TẬP CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4. Giá trị trả nợ thanh toán (tiếp theo)

3.4.1. Các nội tài sản nằm ở các tài khoản

- a. Hợp đồng vay, cho vay không khoản, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán trái phiếu, các khoản cho khách hàng hoặc các báo nhận Công ty.

Giá trị tài sản nằm ở tài khoản thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng mua trái phiếu theo các thị trường:

- a. Giá trị tài sản theo An ninh thanh toán được xác định như sau:

STT	Loại hình/giao dịch	Giá trị thị trường được áp dụng cho các tài khoản
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, tiền gửi, khoản đầu tư vào chứng khoán tài sản bảo đảm, tiền gửi tiết kiệm, giao dịch, các khoản chi được xác định theo Điều 2.10 khoản 1, Điều 3.1 Điều lệ B.V.	Giá trị sổ sách tài khoản liên quan, không chi trả phí giao dịch liên quan đến các khoản chi trả và các chi phí giao dịch liên quan với các khoản chi trả và các chi phí giao dịch liên quan với các khoản chi trả.
2.	Cho vay không khoản	Max{Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có); 0}
3.	Vay có kỳ hạn	Max{Giá trị sổ sách của khoản vay - Giá trị thị trường của hợp đồng}; 0}
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max{Giá trị hợp đồng (tính theo giá mua - Giá trị thị trường của Hợp đồng x (1 - Hệ số trả nợ hiện hành)); 0}
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max{Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - Hệ số trả nợ thị trường) - Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}; 0}
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (đối khách hàng vay mua chứng khoán) Các thỏa thuận khác là số của giao dịch khác	Max{Giá trị sổ sách - Giá trị hiện hành của tài sản}; 0}

Số dư nợ là giá trị khoản vay, là vay và các chi phí.

Giá trị là số dư nợ của khách hàng được xác định theo Nguyên tắc số 3.4? Trong trường hợp tài sản bất động sản khách hàng không có giá trị thanh toán thì thanh lý thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của tài sản được xác định theo Nguyên tắc 3.1.2

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ngày 20 tháng 06 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)

3.1 Giá trị ròng và thanh toán (Tiếp theo)

3.1.2 Giá trị tài sản nắm giữ của các khoản đầu tư

b. Hợp đồng giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản nắm giữ của công cụ giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên giá (sau)

SỐ TỶ	Mã tài sản	Giá trị tài sản nắm giữ (sau thuế)
A – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (khi bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong nội bộ cùng ngày)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	C
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị nguyên của hợp đồng trong tương lai lập GIA TI (trong hợp lệ giao dịch) C (trong trường hợp GIA TI tương đương hợp lệ giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (khi mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	C
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị nguyên của chứng khoán (trong tương lai lập GIA TI trong hợp lệ giao dịch) D tương đương hợp lệ giao dịch của công cụ GIA TI (giao dịch)

Thời hạn thanh toán nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 đối với chứng khoán quốc tế, T+1 đối với chứng khoán Việt Nam hoặc T+n (đối với các giao dịch của người hệ thống giao dịch trong ngày) theo thỏa thuận các bên liên quan.

c. Các khoản đầu tư, trái phiếu đã mua, các công cụ tài chính mua

Giá trị tài sản nắm giữ ròng thanh toán là giá trị khoản nợ ghi sổ (T) theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, trừ phí xử lý giao dịch và chi phí khác liên quan đã thực hiện trước đó (nếu có).

3.1.3 Giám đốc và ủy viên giám đốc nắm giữ của các khoản đầu tư

Công ty điều chỉnh giám đốc phân bổ giá trị tài sản nắm giữ của đầu tư (nếu có) khác biệt từ báo cáo lập báo cáo quy định tại điểm 4.1 khoản 1, Điều 14 khoản 1 Điều 10 (Tỷ lệ phân bổ), chi xác định giá trị tài sản nắm giữ ròng thanh toán trong tương lai, áp dụng hợp đồng, giao dịch này báo cáo đầy đủ các điều kiện sau:

- × Đối tác, khách hàng của tài sản nắm giữ hoặc người ký, ủy nhiệm có sẵn báo đảm bảo tài sản nắm giữ của công cụ này, gây ra sự gia tăng sự chuyển nhượng tài sản nắm giữ, chứng khoán, chứng khoán mới phát, chứng kỳ giao dịch trên số tài sản nắm giữ Chứng khoán, chứng khoán Chính phủ, trái phiếu nước ngoài là dành báo đảm bảo phân bổ.
- × Công ty có quyền đưa ra quyết định, sử dụng, chuyển nhượng tài sản nắm giữ trong tương lai để tài không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và là lệ gia hạn áp dụng và chuyển lại các tập đầu tư.

Giá trị tài sản nắm giữ ròng xác định như sau:

Giá trị tài sản nắm giữ ròng = Giá trị nguyên của GIA TI (sau thuế) (1 - thuế) (sau thuế)

Giá trị của các tài sản được nắm giữ bằng Tài sản nắm giữ ròng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ FANTASANTÀ CHÍNH (Hợp nhất)
tại ngày 30 tháng 10 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4. Giá trị cốt lõi và minh chứng (Hợp nhất)

3.4.1. Các tỷ lệ lệ mua vào và bán ra

Giá trị cốt lõi và minh chứng phải tuân thủ được tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong lương hợp đồng tăng giá trị hợp đồng tăng giá trị chứng chỉ bảo hiểm, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn hợp đồng mua có cam kết bán giá không chắc chắn, hợp đồng bán có cam kết mua là chúng khoản tăng giá trị tài sản để tăng tỷ lệ mua vào và bán ra, có nghĩa là quan trọng, chiếm từ 10% đến 15% vốn chủ sở hữu
- Tăng thêm 20% trong lương hợp đồng tăng giá trị chứng chỉ bảo hiểm, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn hợp đồng mua có cam kết bán giá không chắc chắn, hợp đồng bán có cam kết mua là chúng khoản tăng giá trị tài sản để tăng tỷ lệ mua vào và bán ra, có nghĩa là quan trọng, chiếm từ 15% đến 25% vốn chủ sở hữu
- Tăng thêm 30% trong lương hợp đồng tăng giá trị chứng chỉ bảo hiểm, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn hợp đồng mua có cam kết bán giá không chắc chắn, hợp đồng bán có cam kết mua là chúng khoản tăng giá trị tài sản để tăng tỷ lệ mua vào và bán ra, có nghĩa là quan trọng, chiếm từ 25% đến 30% vốn chủ sở hữu

3.4.2. Bộ nhân sự và phương pháp tuyển dụng nhân viên và chi trả lương

Giá trị cốt lõi và minh chứng phải tuân thủ được tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Bộ nhân sự và phương pháp tuyển dụng nhân viên và chi trả lương
- Bộ nhân sự và phương pháp tuyển dụng nhân viên và chi trả lương
- Bộ nhân sự và phương pháp tuyển dụng nhân viên và chi trả lương

3.4.3. Thu nhập hợp đồng và các khoản thu khác của nhân viên và chi trả lương

Tuân thủ theo quy định của pháp luật và các quy định khác có liên quan.

3.5. Các tỷ lệ lệ mua vào và bán ra

Giá trị cốt lõi và minh chứng phải tuân thủ được tăng thêm trong các trường hợp sau: Các tỷ lệ lệ mua vào và bán ra của Công ty được xác định dựa trên mức độ tin cậy của các khoản thu nhập, khoản thu nhập và các khoản chi phí, là từ hoạt động đầu tư, hoặc các khoản thu nhập khác.

Giá trị cốt lõi và minh chứng phải tuân thủ được tăng thêm trong các trường hợp sau: Các tỷ lệ lệ mua vào và bán ra của Công ty được xác định dựa trên mức độ tin cậy của các khoản thu nhập, khoản thu nhập và các khoản chi phí, là từ hoạt động đầu tư, hoặc các khoản thu nhập khác.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng một năm (12) tháng liên tiếp từ 12 tháng trước đó (tính từ cuối năm 2022) của Công ty và các khoản thu nhập khác của Công ty theo quy định của pháp luật, bao gồm các khoản thu nhập khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT
lạ ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tài sản vật chất không có mang sẵn, không có kỳ hạn đáo hạn			43.871.155.948	-
1.	Tiền VNĐ	0	1.3778.228	-
2.	Các khoản thanh toán khác	0	1.000.133.127	-
3.	Giá trị kế toán của các khoản đầu tư tài chính đo lường theo giá trị hợp lý	0	41.702.249.593	-
II. Trị phần sở hữu khác				-
4.	Trị phần sở hữu chính phủ không có kỳ hạn	0	-	-
5.	Tài phần sở hữu của các nhà đầu tư khác không có kỳ hạn: Chính phủ các nước (cộng đồng, quốc tế, quốc gia), Chính phủ các nước thuộc Khối các Quốc gia đang phát triển (các nước đang phát triển), các phần được chuyển bởi các tổ chức quốc tế (IMF, ADB, IFC, APF, EIB và EBRD), Tổ chức chính quyền địa phương	0	-	-
III. Trị phần sở hữu khác có kỳ hạn				-
6.	Trị phần sở hữu có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm kể có tiếp tục được tái đầu tư	0	-	-
	Trị phần sở hữu có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm kể có tái đầu tư chuyển đổi	0	-	-
	Trị phần sở hữu có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm kể có tái đầu tư chuyển đổi	10	-	-
	Trị phần sở hữu có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể có tái đầu tư chuyển đổi	10	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH QUÝ THÁNG
TẠI NGÀY 30/03/2023

4. TỔNG BIỂU THỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
*	Trái phiếu, niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu, niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến dưới 2 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu, niêm yết có thời gian đáo hạn từ 2 năm tới dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu, niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết				
0	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	15	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 2 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	20	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 2 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	25	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 2 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	30	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 2 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	35	-	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp "kém và phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi"	40	-	-

Kế toán - Tài chính - Thuế và Công nghệ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LE AN TOÀN TÀI CH - NH (HQ. Báo)
 Ngày 30 tháng 03 năm 2023

4. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (Kể theo):

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
V. Cổ phiếu			-	-
9	Cổ phiếu, chế thống, cổ phiếu ưu đãi của các A, dưới mức 1 tỷ lệ lợi tức của thị trường hoặc thanh phần của thị trường; chứng chỉ quỹ mở	10		-
9	Cổ phiếu, chế thống, cổ phiếu ưu đãi của các công ty niêm yết tại các thị trường khác ngoài Việt Nam	10		-
1	Cổ phiếu, chế thống, cổ phiếu ưu đãi của công ty lệ chứng, có ưu tiên trả, dựa kỳ giao dịch của thị trường Việt Nam	20		-
12	Cổ phiếu, chế thống, cổ phiếu ưu đãi của các công ty dưới 1 tỷ lợi tức của thị trường Việt Nam; chứng chỉ quỹ mở; chứng chỉ quỹ mở có phần đóng góp của nhà đầu tư nước ngoài (IFC)	30		-
10	Cổ phiếu của các công ty lệ chứng khác	30		-
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
14	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	10		-
15	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài	30		-
VII. Chứng chỉ quỹ bất động sản			-	-
16	Chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản Việt Nam	20		-
17	Chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản nước ngoài	20		-
18	Chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản Việt Nam khác	25		-
19	Chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản nước ngoài khác	40		-
20	Chứng chỉ quỹ đầu tư bất động sản khác	25		-
VIII. Các tài sản khác			-	-
21	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chứng khoán Việt Nam; chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam; chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài; chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán khác	100		-
22	Cổ phiếu, trái phiếu của các công ty chứng khoán khác	50		-
23	Tài sản khác	70		-
Tổng cộng (theo các hạng mục đầu tư (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII))			43.871.155.949	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
 VÀ CHỨNG KHOÁN BVIM

Số dư cuối kỳ	
2.624.070.293	
2.545.003.297	
78.966.994	
4.974.238.207	

6. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RÒ THANH TOÁN

- Rủi ro liên quan đến hợp đồng mua và quyền mua cổ phiếu
- Rủi ro quá hạn thanh toán (trên tài khoản 312)
- Rủi ro liên quan đến các hợp đồng giao dịch chứng khoán mua và bán
- Rủi ro liên quan (trên tài khoản 54)

Tổng giá trị rủi ro thanh toán

5.7 Rủi ro nước ngoài hạn thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán ngoại tệ (chỉ liên quan đến USD, HKD):

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VNĐ)					Tổng giá trị rủi ro VNĐ
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	
1. Tài sản có kỳ hạn ngắn hạn (trên tài khoản 312)							
2. Cho vay ngắn hạn (trên tài khoản 14)							
3. Vay ngắn hạn (trên tài khoản 15)							
4. Hợp đồng mua bán chứng khoán (trên tài khoản 312)				2.274.275.283		2.274.275.283	
5. Hợp đồng mua bán chứng khoán (trên tài khoản 312)							
TỔNG RỦI RÒ TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN						2.274.275.283	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

TRUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÁI CHÍNH (Bảng số 6)
ngày 30 tháng 05 năm 2023

g. TÓNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (Bảng số 6)

g.y. Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Bảng số 6)

Chỉ tiêu về số rủi ro thanh toán theo Mã Hệ thống Công ty của công ty sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
01	Chính phủ - An ninh quốc gia, lĩnh vực: Quân sự, y tế, an ninh, Công an và Ngân hàng Trung ương (các nước thuộc khối OECD); Ủy ban Nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương	0%
02	Sở Giáo dục Trung ương, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia	0,2%
03	Tổ chức tín dụng, là chức là chính, là chức kinh doanh trung gian thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm cấp ứng các điều kiện chấp theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng chứng khoán	5,5%
04	Tổ chức tín dụng, là chức là chính, là chức kinh doanh trung gian thành lập ở các nước OECD, khác: Là chủ sở hữu các nước thuộc khối OECD và không cấp ứng các điều kiện chấp theo quy định nội bộ của Công ty	0,2%
05	Ở chức tín dụng, là chức là chính, là chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	5%
06	Các tổ chức và cá nhân khác	5%

g.z. Chi tiết:

	Giá trị gốc (VNĐ)	Giá trị giảm sút (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)	Hệ số rủi ro thanh toán (%)	Giá trị gốc (VNĐ)
Hợp đồng An ninh	42.075.569.062	-	42.075.569.062	0%	2.562.021.874
Thành viên tín dụng	86.347.190	-	86.347.190	0%	22.048.426
	42.931.204.225	-	42.931.204.225		2.574.070.299

g.2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Số số rủi ro (%)	Giá trị gốc (VNĐ)	Giá trị giảm sút (VNĐ)
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	18		-
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	390.189.979	1.211.591.705
3	31 - 45 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	45		-
4	Trên 50 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	10%	1.511.648.932	1.512.349.912
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				1.639.008.387

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ (tiếp theo)
kể ngày 01 tháng 05 năm 2023

5. TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác

STT	Chi tiết tới từng đối tượng	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoại các giao dịch hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, à, á, â, ã, đ, đ, g khoản 1 Điều 10 Thông lệ 31; Các khoản phải thu từ việc bán nợ vớt để tác giao dịch tháng phí Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty Bảo hiểm Hỏa hoạn nhà dân số Việt Nam (CATC)	100	-	
2.	Khoản tạm ứng chiếm 2% vốn quỹ số tiền 20 triệu giao nhận ứng tiền lệ của 30 ngày	100	-	
TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH KHÁC				-

5.4. Rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán được điều chỉnh là giá trị thêm như sau:

STT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro toàn toán (%)	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND	Tỷ lệ tăng thêm (%)	Giá trị rủi ro tăng thêm
Khoản điều chỉnh đối với một nhóm tổ chức, cá nhân, nhóm tổ chức chiếm tỷ trọng 20% Vốn quỹ số hiệu						
I	Banking Group Việt Nam	60	12.000.000.000	2.062.081.514	20%	765.800.544
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM						765.800.544

6. TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chi tiết	Giá trị (VND)
I	Tổng chi phí hoạt động phải sinh trong vòng 12 tháng tới từ tháng 05 năm 2023	3.192.634.000
II	Các khoản giá trị bù đắp chi phí	-
III	Ông chi phí sau khi giảm bớt (II = I - II)	3.192.634.000
IV	25% tổng chi phí sau khi giảm bớt (IV = 25% III)	792.410.000
V	20% vốn quỹ bổ sung cho các kịch bản xấu nhất của Công ty	5.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max (IV, V))		5.000.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BVIM
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi (nếu có)	25.000.000.000		
2	Trợ cấp và xử phạt không bao gồm cổ phần ưu đãi (nếu có)			
3	Cổ phần quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn quỹ (nếu có)	1.626.746.321		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác (nếu có)	1.626.746.321		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Tích lũy lợi nhuận sau thuế phân phối	1.000.000.000		
9	Số dư dự phòng sự giảm giá tài sản	-		
10	Đánh giá giảm giá tài sản cố định	-		
11	Chi phí lịch sử giá trị đất	-		
12	Chi phí đầu tư vào hệ chuyển đổi			
13	Phần bổ sung giảm đi hoặc tăng lên của các khoản khác tại chi phí đầu tư tài sản			
14	Vốn khác (nếu có)			
15	Tổng			49.253.512.341

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THỰC TIỄN LẬP CÁO TỶ LE AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 10 năm 2023

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu ngắn hạn			
	Chương trình đầu tư tài trợ miễn phí theo quy định tại khoản 2 Điều 6			
2	Chương trình giảm giá mua hàng, khuyến mại theo chương trình 3. Điều 6			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn để cơ phải thu từ hoạt động nghiệp vụ			
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán tính từ 30 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán tính từ trên 30 ngày			
2	Phải thu của đơn vị liên quan			
3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán tính từ 30 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán tính từ trên 30 ngày			
4	Phải thu của cơ quan thuế			
	Phải thu của cơ quan thuế có thời hạn thanh toán tính từ 30 ngày trở xuống			
	Phải thu của cơ quan thuế có thời hạn thanh toán tính từ trên 30 ngày			
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán tính từ 30 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán tính từ trên 30 ngày			
6.	Phải thu khác của khách hàng			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán tính từ 30 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán tính từ trên 30 ngày			
	Tổng cộng			

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THIỆT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tính ngày 30 tháng 03 năm 2025

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
B	Tài sản ngắn hạn (tiếp theo)			
7.	Dư phòng trừ tài sản ngắn hạn cho đủ			
IV	Hàng tồn kho			
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn			
2.	Thuế GTGT đã nộp nhưng chưa khấu trừ			
3.	Thuế có thu: Thuế phải trả, thuế ưu đãi			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	am ứng			
	am ứng có thời hạn hoặc ứng còn lại từ 30 ngày trở xuống			
	am ứng có thời hạn hoặc ứng còn lại trên 30 ngày			
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			
1B	Khoản			195.516.114
C	Tài sản dài hạn			
1.	Các khoản phải thu dài hạn, bao gồm phải thu từ hoạt động ủy thác			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 30 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 30 ngày			
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 30 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 30 ngày			

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Ngày 30 tháng 09 năm 2023

7. BẢNG TÌNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp) tiếp

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
C	Tài sản dài hạn (tiếp theo)			
I	Chiếm hữu bất động sản hữu hạn, không phải chủ sở hữu hoặc động sản khác (tài sản)			
A	Đất đai không có sổ			
	Đất đai không có sổ không có sổ: Đất đai không có sổ			
	Đất đai không có sổ không có sổ: Đất đai không có sổ			
	Đất đai không có sổ không có sổ: Đất đai không có sổ		33.831.075	
B	Dự phòng đất đai không có sổ khác			
H	Tài sản cố định		-	
M	Đất động sản khác		-	
M'	Các khoản khác từ tài sản cố định			
	Phần từ tài sản cố định			
2.	Dụng cụ chứng khoán có hạn			
	Chứng khoán nắm giữ có hạn (tài sản)			
	Chứng khoán nắm giữ có hạn (tài sản)			
	Chứng khoán nắm giữ có hạn (tài sản)			
3.	Các khoản khác từ tài sản cố định			
4.	Tài sản dài hạn khác			
5.	Dụng cụ chứng khoán có hạn			
V	Tài sản dài hạn khác			
1.	Chi phí trả trước dài hạn			
2.	Tài sản dài hạn khác			
3.	Ký quỹ, ký quỹ khác			
	Các chi phí khác từ tài sản cố định (tài sản)			
	Các chi phí khác từ tài sản cố định (tài sản)			
	Các chi phí khác từ tài sản cố định (tài sản)			
	Các chi phí khác từ tài sản cố định (tài sản)			
10	Tổng			33.831.075
VỐN KHẢ DỤNG – 1A-1B-1C				45.066.664.102

Chú thích

Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo Tài chính và Tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THUYẾT MINH CÁC CÁI TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT
14 ngày 09 tháng 03 năm 2023

A. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2023 yêu cầu nhà đầu tư điều chỉnh lại hình ảnh trong các tài liệu kế hoạch đầu tư của Công ty.

Người ký:

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Bà Lê Thị Mỹ Duyên
Trưởng Bộ phận Kiểm soát
Rủi ro

Người duyệt:



Ông Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

13 Hồ Việt Nam

Ngày 14 tháng 03 năm 2023

